TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2019/HN-ST
Ngày: 16 - 10 - 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**

2. Ông **Võ Lâm Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 678/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thúy K** - Sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T –** Sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn chị Lê Thúy K trình bày: Vợ chồng sống chung vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do hai người tự tìm hiểu và quyết định. Vợ chồng sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng không lo làm ăn, chỉ ăn nhậu về đánh vợ con, chị khuyên nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng thường cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày, thừa nhận thời gian kết hôn, không còn sống chung như vợ trình bày là đúng, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ ngoại tình. Nay vợ xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị K, anh T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tường V – Sinh ngày 20/3/2012 hiện đang sống với chị K. Sau khi ly hôn, chị K và anh T đều yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K, anh T xác định không có.

Về nợ chung: Chị K, anh T xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Chị Lê Thúy K khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2]- Về nội dung: Chị Lê Thúy K và anh Nguyễn Văn T sống chung vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng không lo làm ăn, hay uống rượu về đánh vợ con, chị khuyên nhiều lần nhưng không được, nên vợ chồng thường cãi nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị K yêu cầu được ly hôn, anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, chị K và anh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, chị K và anh T xác định tình cảm không còn đã thuận tình ly hôn, xét thấy sự tự nguyện này phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên công nhận sự thỏa thuận này.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Chị K, anh T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tường V – Sinh ngày 20/3/2012, hiện đang sống với chị K. Sau khi ly hôn, chị K, anh T đều yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu V sống chung với chị K, nên tình cảm gắn liền với người nuôi dưỡng và giúp cháu có đủ điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó, yêu cầu của chị K là phù hợp với nguyện vọng của cháu V và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị K, anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Chị K, anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thúy K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thúy K** và anh **Nguyễn Văn T**.

Về quan hệ con chung: Chị K được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tường V – Sinh ngày 20/3/2012, hiện đang sống với chị K. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thúy K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Chị K, anh T xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị K, anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị K và anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Lê Thúy K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013390 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Lưu.

Nguyễn Công Đức